

■ 緊急時の連絡先

◇交通事故、盗難、暴力行為(警察)

電話 110 (通話料無料)

言語や聴覚に障害をお持ちの方のために;

*千葉県警察メール 110番: <http://chiba110.jp>

*千葉県警察ファックス 110番: 0120-110-294

(通話料無料)

①局番なしで 110番にダイヤルすると警察が応対します。

②名前、住所、事故や事件の起きた場所、事故や事件の内容を伝えます。

■ Thông tin liên lạc khi khẩn cấp

◇Tai nạn giao thông, trộm cướp, hành vi bạo lực (Cảnh sát)

Số điện thoại: 110 (miễn phí)

Dành cho người bị khuyết tật ngôn ngữ hoặc khiếm thính;

*Cảnh sát Chiba Mail số 110: <http://chiba110.jp>

*Cảnh sát Chiba Fax số 110: 0120-110-294

(miễn phí)

① Quay số 110 không cần mã vùng để kết nối với cảnh sát.

② Khai báo tên, địa chỉ, nơi xảy ra tai nạn hoặc vụ án, nội dung tai nạn hoặc sự cố.

日本語 Tiếng Nhật	ローマ字 Chữ Roman	ベトナム語 Tiếng Việt
交通事故です どろぼう 泥棒です けんか 喧嘩です	Kotsu jiko desu. Dorobo desu. Kenka desu.	Có vụ tai nạn giao thông. Có trộm cắp. Có đánh nhau.
場所は()です	Basho wa () desu.	Địa điểm là ().
住所は()です	Jusho wa () desu.	Địa chỉ là ().
名前は()です	Namae wa () desu.	Tên tôi là ().
電話番号は()です	Denwa bango wa () desu.	Số điện thoại của tôi là ().

③交通事故などで負傷者がいるときは、救護が先です。救急車を呼ぶ必要がある場合は、119番に電話して救急車を呼びます。また、交通事故の相手がいるときは、名前、保険番号、住所、電話番号を聞いておきます。

③ Khi có người bị thương do tai nạn giao thông v.v. trước tiên phải gọi cứu hộ. Trong trường hợp cần gọi xe cứu thương, hãy gọi tới số 119 để được giúp đỡ. Ngoài ra, khi có người bị tai nạn giao thông, hãy hỏi sẵn họ tên, mã số bảo hiểm, địa chỉ, số điện thoại của họ.

◇交番

交番は日本のどの市町村にもあります。たいいてい駅の近くにあります。

盗難や暴力行為、交通事故などにあったら、まず警察(110番)に連絡するか、近くの交番に連絡してください。

交番の警察官は夜間のパトロールなども行い、犯罪の防止に努めています。

*警察全般について相談したいとき

千葉県警察本部「相談サポートコーナー」

(TEL: 043-227-9110)

祝日を除く、月曜日から金曜日の午前8時30分から

午後5時15分まで

◇Koban (Đồn cảnh sát khu vực)

Koban có ở mọi đơn vị hành chính cấp hạt của Nhật Bản. Thường nằm gần nhà ga.

Nếu xảy ra trộm cắp, hành vi bạo lực hoặc tai nạn giao thông, bạn hãy liên lạc với cảnh sát (số 110) hoặc liên lạc với Koban ở gần đó. Nhân viên cảnh sát của Koban cũng thực hiện tuần tra ban đêm nhằm phòng chống tội phạm.

* Khi muốn được tư vấn các vấn đề liên quan đến cảnh sát, hãy liên hệ tới Trung tâm Tư vấn - Hỗ trợ cộng đồng tại trụ sở cảnh sát tỉnh Chiba

(Điện thoại: 043-227-9110)

Thời gian làm việc: Thứ Hai đến - Thứ Sáu (trừ ngày lễ) từ 8:30 am đến 5:15 pm

◇火事、救急車(急病、大けが)

電話: 119 (通話料無料)

局番なしで 119 をダイヤルすると、消防署が対応します。

◇Hỏa hoạn, xe cứu thương (bị bệnh đột ngột, chấn thương nghiêm trọng)

Điện thoại: 119 (miễn phí)

Quay số 119 không cần mã vùng để kết nối trực tiếp với Sở cứu hỏa.

日本語 Tiếng Nhật	ローマ字 Chữ Roman	ベトナム語 Tiếng Việt
火事です	Kaji desu.	Có đám cháy!
救急車をお願いします	Kyukyusha wo Onegaishimasu.	Xin hãy đưa xe cứu thương tới.
()が(病気/けが)です *状態を説明します。 *アレルギーなど、必要な情報も伝えま す。	() ga (Byouki/Kega) desu.	() bị ốm/ bị thương. *Giải thích tình trạng của người bệnh. *Cung cấp các thông tin cần thiết của người bệnh như mắc bệnh dị ứng, v.v.
場所は()です	Basho wa () desu.	Địa điểm là ().
住所は()です	Jusho wa () desu.	Địa chỉ là ().
名前は()です	Namae wa () desu.	Tôi tên là ().
電話番号は()です	Denwabango wa () desu.	Số điện thoại của tôi là ().

病気やけがの状態

Tình trạng bệnh/ vết thương

日本語 Tiếng Nhật	ローマ字 Chữ Roman	ベトナム語 Tiếng Việt
出血	Shukketsu	Chảy máu
骨折	Kosetsu	Gãy xương
火傷	Yakedo	Bị bỏng
呼吸困難	Kokyu konnan	Khó thở
痙攣	Keiren	Co giật
胸が苦しい	Mune ga kurushii	Tức ngực
高熱	Konetsu	Sốt cao
胃が痛い	I ga itai	Đau dạ dày
意識不明	Ishiki fumei	Bất tỉnh

◇緊急医療での準備

①緊急時に相談できる医者を作っておくと、病院を
紹介してもらったり、予約をしてもらえます。

②千葉県の救命救急センターと救急医療体制の
情報を知っておいてください。

③緊急時の支払いに備えて健康保険証と現金
20,000円ぐらいは用意しておく必要があります。

◇Chuẩn bị sẵn cho trường hợp cấp cứu y tế

①Nếu bạn quen biết với bác sỹ có thể giúp đỡ trong trường
hợp khẩn cấp, hãy nhờ họ giới thiệu bệnh viện và đặt lịch
giúp khi cần.

②Hãy tìm hiểu trước các thông tin về Trung tâm cấp cứu và
hệ thống cấp cứu y tế của tỉnh Chiba

③Cần chuẩn bị sẵn Thẻ bảo hiểm y tế và khoảng 20.000 yên
tiền mặt để thanh toán khi cấp cứu.

④かかりつけの病院がある場合、診察券も用意しておきます。

* 救急医療問診表 (日本語・英語・中国語・韓国語・スペイン語・タイ語・ポルトガル語・タガログ語・ペルシヤ語)

https://www.qq.pref.chiba.lg.jp/pb_medicalchecklist

◇千葉県内の夜間・休日急病診療所

夜間・休日診療の医療機関は、市町村の広報紙などに掲載されています。

また、「ちば救急医療ネット」で調べることができます。日本語対応のみ医療機関も含まれます。詳しくは、千葉県外国人相談にお問い合わせください (TEL : 043-297-2966)。

・ちば救急医療ネット (日本語のみ)

<https://www.qq.pref.chiba.lg.jp/>

④ Trong trường hợp bạn có bệnh viện quen để đăng ký khám chữa bệnh thì cũng hãy chuẩn bị sẵn cả phiếu đăng ký khám sức khỏe.

* Phiếu câu hỏi y tế dùng khi cấp cứu (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Ba Tư)

https://www.qq.pref.chiba.lg.jp/pb_medicalchecklist/

◇Phòng khám cấp cứu hoạt động vào ban đêm và ngày nghỉ ở tỉnh Chiba

Các cơ sở y tế thực hiện khám chữa bệnh vào ban đêm, ngày nghỉ sẽ được đăng tải trên báo Quan hệ công chúng ở các đơn vị hành chính cấp hạt.

Ngoài ra, bạn cũng có thể tra trên "Mạng lưới y tế cấp cứu tỉnh Chiba". Trong đó bao gồm cả các cơ sở y tế chỉ sử dụng tiếng Nhật. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Cửa sổ tư vấn dành cho người nước ngoài của tỉnh Chiba (Điện thoại: 043-297-2966).

・Mạng lưới y tế cấp cứu tỉnh Chiba (chỉ dùng tiếng Nhật)

<https://www.qq.pref.chiba.lg.jp/>

外国人相談窓口

■ Cửa sổ tư vấn dành cho người nước ngoài

外国人相談一覧

Danh sách tư vấn dành cho người nước ngoài

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
じっしきかんめい (公財)ちば国際コンベンションビューロー・千葉県国際交流センター (Chiba Convention Bureau and International Center)	043-297-2966	〒261-8501 Chiba-shi Mihama-ku Nakase 1-3 Makuhari Techno Garden Bldg.D 14F	Tiếng Anh tiếng Trung tiếng Tây Ban Nha tiếng Tagalog tiếng Việt tiếng Hàn tiếng Nepal tiếng Thái tiếng Bồ Đào Nha tiếng Indonesia tiếng Nga tiếng Hindi	Thứ Hai - Thứ Sáu	9:00am - 12:00am 1:00 pm - 4:00 pm
じっしきかんめい (公財)千葉市国際交流協会 (Chiba City International Association)	043-245-5750	〒260-0026 Chiba-shi Chuo-ku Chibaminato 2-1 Chiba Chuo Community Center, 2F	Tiếng Anh	Thứ Hai - Thứ Bảy	9:00 am - 3:30 pm
			Tiếng Trung	Thứ Hai	2:00 pm - 7:30 pm
				Thứ Ba - Thứ Sáu	9:00 am - 7:30 pm
				Thứ Bảy	9:00 am - 3:30 pm
			Tiếng Hàn	Thứ Hai, thứ Năm, thứ Bảy	9:00 am - 3:30 pm
			Tiếng Tây Ban Nha	Thứ Ba, Thứ Tư Thứ Bảy	10:00am - 4:30pm
			Tiếng Việt	Thứ Tư	2:00 pm - 7:30 pm
				Thứ Sáu, thứ Bảy	10:00 am - 4:30 pm

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
八千代市 (Yachiyo City)	047-487-6310	〒276-0027 Yachiyo-shi Murakamidanchi 2-9-103	Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha	Thứ Hai - Thứ Bảy	9:00 am - 5:00 pm Có phiên dịch từ 1:00 pm - 4:00 pm
市川市 (Ichikawa City)	047-712-8675	〒272-8501 Ichikawa-shi Yawata 1-1-1	Tiếng Anh tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha,	Thứ Hai - Thứ Sáu	10:00 am - 5:00 pm
	047-712-8675	〒272-0192 Ichikawa-shi Suehiro 1-1-31	tiếng Hàn, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Thái, Tiếng Nga tiếng Pháp, tiếng Nepal, tiếng Hindi, tiếng Indonesia Tiếng khmer Tiếng người Miền Điện	Thứ Hai - Thứ Sáu	10:00 am - 5:00 pm
船橋市 (Funabashi City)	050-3101-3495	〒273-8501 Funabashi-shi Minato-cho 2- 10-25	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hindi	Thứ Hai - Thứ Sáu	9:00 am - 5:00 pm

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
浦安市 (Urayasu City)	047-712-6910	〒279-8501 Urayasu-shi Nekozane 1-1-1	Tiếng Anh	Thứ Hai - Thứ Sáu	10:00 am - 12:00 am 1:00 pm - 4:00 pm
			Tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Ba Lan	Thứ Hai - Thứ Ba	
			Tiếng Tây Ban Nha	Thứ Tư, thứ Năm	
			Tiếng Trung	Thứ Sáu	
松戸市 (Matsudo City)	047-366-7319	〒271-8588 Matsudo-shi Nemoto 387-5	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Nga Tiếng Indonesia Tiếng Hindi	Thứ Hai - Thứ Sáu	8:30 am – 4:30 pm
			Tiếng Việt, Tiếng Thái, tiếng Tagalog, tiếng Nepal, tiếng Pháp	Thứ Hai - Thứ Sáu	9:00 am - 4:30 pm
流山市 (Nagareyama City)	04-7128-6007	〒270-0192 Nagareyama-shi Heiwadai 1-1-1	Tiếng Anh	Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu	10:00 am - 12:00 am 1:00 pm - 4:00 pm

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
鎌ヶ谷市 (Kamagaya City)	047-442-1850	〒273-0101 Kamagaya-shi Tomioka 1-1-3	Tiếng Anh	Thứ Ba, Thứ Năm	9:00 am - 12:00 am 1:00 pm - 4:00 pm
			Tiếng Trung	Không thường xuyên	9:00 am - 12:00 am 1:00 pm - 4:00 pm
柏市 (Kashiwa City)	04-7168-1033	〒277-8505 Kashiwa-shi Kashiwa 5-10-1	Tiếng Anh	Thứ Năm	1:00 pm - 5:00 pm
			Tiếng Trung	Thứ Tư, thứ Sáu	
			Tiếng Tây Ban Nha	Thứ Hai	
			Tiếng Hàn	Thứ Ba (chỉ vào tuần thứ 2 và tuần thứ 4 trong tháng)	
我孫子市 (Abiko City)	04-7183-1231	〒270-1166 Abiko-shi Abiko 4-11-1 Abiko Shimin Plaza	Tiếng Anh, tiếng Trung tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Pháp	Hàng ngày (trừ thứ Năm)	10:00 am - 5:00 pm

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
成田市 (Narita City)	0476-20-1507	〒286-8585 Narita-shi Hanazaki-cho 760	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Indonesian, tiếng Tagalog, tiếng Nepal, tiếng Hindi	Thứ Hai - Thứ Sáu	9:00 am - 5:00 pm
佐倉市 (Sakura City)	043-484-6326	〒285-0025 Sakura-shi Kaburagi-machi Rainbow Plaza Sakura	Tiếng Anh, Tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha	Thứ Hai - Thứ Sáu (cần đặt lịch hẹn)	10:00 am - 12:00 am 1:00 pm - 4:00 pm
四街道市 (Yotsukaido City)	043-312-6173	〒284-003 Yotsukaido-shi Shikawatashi 2001-10	Tiếng Anh, tiếng Trung	Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu, thứ Bảy (cần đặt lịch hẹn)	10:00 am - 3:00 pm
印西市 (Inzai City)	0476-33-4068	〒270-1396 Inzai-shi Omori 2364-2	Tiếng Nhật	Thứ Sáu tuần 2 (cần đặt lịch hẹn)	9:00 am - 4:00 pm
白井市 (Shiroi City)	047-492-1111	〒270-1492 Shiroi-shi Fuku 1123	Tiếng Anh Tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha	Thứ Hai - Thứ Sáu cần đặt lịch hẹn	8:30 am - 5:00 pm
富里市 (Tomisato City)	0476-93-1111	〒286-0292 Tomisato-shi Nanae 652-1	Tiếng Anh	Thứ Hai - Thứ Sáu	9:00 am - 12:00 am

実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
館山市 (Tateyama City)	0470-22-3147	〒294-8601 Tateyama-shi Hojo 1145-1	Tiếng Anh tiếng Trung tiếng Hàn khác 27 ngôn ngữ	Thứ Hai - Thứ Sáu	8:30 am - 5:00 pm
鴨川市 (Kamogawa City)	04-7093-5931	〒296-8601 Kamogawa-shi Yokosuka 1450	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Urdu, tiếng Pháp, tiếng Hungary, tiếng Nga, tiếng Ba Tư, tiếng Mã Lai, tiếng Bồ Đào Nha	Thứ Hai - Thứ Sáu	8:30 am - 4:30 pm
君津市 (Kimitsu City)	0439-54-9877	〒299-1152 Kimitsu-shi Kubo 2-11-21	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tagalog	Thứ Ba, Thứ Năm, Thứ Sáu *chỉ dành cho người đến trực tiếp	9:00 am - 4:00 pm

じっしきかんめい 実施機関名 Tên tổ chức thực hiện	でんわ 電話 Điện thoại	じゅうしょ 住所 Địa chỉ	げんご 言語 Ngôn ngữ	じっしび 実施日 Ngày làm việc	じかん 時間 Giờ
市原市 (Ichihara City)	0436-23-9866	〒290-0073 Ichihara-shi Kokubunjidai Chuo 1-1-1	Tiếng Anh	Thứ Ba, thứ Sáu	9:30 am - 12:00 am 1:00 pm - 3:30 pm
	0436-24-3934	〒290-0081 Ichihara-shi Goichuonishi 1-1-25 Sunplaza Ichihara 2F	Tiếng Tây Ban Nha	Thứ Sáu (chỉ tuần thứ 1, tuần thứ 3 trong tháng)	1:00 pm - 4:00 pm
			Tiếng Bồ Đào Nha	Thứ Tư (chỉ tuần thứ 1, tuần thứ 3 trong tháng)	9:00 am - 12:00 am

◇FRESC ヘルプデスク

新型コロナウイルスの影響などで生活に困っている
外国人の相談を電話で聞きます。

電話: 0120-76-2029

英語、中国語、韓国語、スペイン語、ポルトガル語、
ベトナム語、ネパール語、タイ語、インドネシア語、
タガログ語、ミャンマー語、カンボジア語、モンゴル
語、フランス語、シンハラ語、ウルドゥー語、ベンガ
ル語

月～金 午前9:00～午後5:00

◇法テラス多言語情報提供サービス

借金、離婚、労働、事故など、通訳を介して日本の
法制度や弁護士会など関係機関を紹介します。

電話相談

電話: 0570-078377

*通訳を交えて、3者(相談者、職員、通訳)間で話
すことができます。

対応言語: 英語、中国語、ポルトガル語、
スペイン語、韓国語、ベトナム語、タガログ語、ネパ
ール語、タイ語、インドネシア語

受付: 月曜日～金曜日 午前9:00～午後5:00

・法テラス千葉

電話: 050-3383-5381

住所: 千葉市中央区中央4-5-1

Qiball(きぼーる)2階

・法テラス松戸

電話: 050-3383-5388

住所: 松戸市松戸1879-1

松戸商工会議所会館3階

<http://www.houterasu.or.jp/chiba/>

◇FRESC Help Desk

FRESC Help Desk sẵn sàng tiếp nhận tư vấn qua điện
thoại cho người nước ngoài gặp khó khăn trong đời sống
do ảnh hưởng của Covid-19.

Điện thoại: 0120-76-2029

Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn,
tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng
Nepal, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Tagalog, tiếng
Myanmar, tiếng Campuchia, tiếng Mông Cổ, Tiếng Pháp,
tiếng Sinhala, tiếng Urdu, tiếng Bengal
Thứ Hai - Thứ Sáu từ 9:00 am - 5:00 pm

◇HOUTERASU - Dịch vụ cung cấp thông tin đa ngôn ngữ

Thông qua phiên dịch viên, Houterasu sẽ giới thiệu, hướng
dẫn về chế độ luật pháp của Nhật và các cơ quan, tổ chức
liên quan như Hội luật sư cho trường hợp các làm thủ tục
như vay tiền, ly hôn, lao động, tai nạn, v.v.

Tư vấn qua điện thoại

Điện thoại: 0570-078377

*Nói chuyện giữa 3 bên (người cần tư vấn, nhân viên
trung tâm và phiên dịch)

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Bồ Đào
Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng
Tagalog (Philippin), tiếng Nepal, tiếng Thái, tiếng Indonesia
Thời gian làm việc: Thứ Hai – thứ Tư từ 9:00 am - 5:00 pm

・Houterasu Chiba

Điện thoại: 050-3383-5381

Địa chỉ: Qiball 2F, 4-5-1 Chuo, Chuo-ku, Chiba-shi

・Houterasu Matsudo

Điện thoại: 050-3383-5388

Địa chỉ: 1879-1 Matsudo, Matsudo-shi, Matsudo

Chamber of Commerce & Industry Hall 3F

<http://www.houterasu.or.jp/chiba/>

◇介護に携わる外国人のための支援センター

(千葉県外国人介護人材支援センター)

電話: 0120-054-762

住所: 千葉市中央区富士見2-3-1

塚本大千葉ビル 5階

英語: 火・木・土 午前10:00～午後6:00

ベトナム語: 月・水・金 午前10:00～午後6:00

◇外国人のための人権相談(法務省)

・外国語人権相談ダイヤル

電話: 0570-090911

英語、中国語、韓国語、タガログ語、ポルトガル語、
ベトナム語、ネパール語、スペイン語、インドネシア
語、タイ語

月～金 午前9:00～午後5:00

・外国語インターネット人権相談受付窓口

多言語でインターネット人権相談受付窓口を設置し
ています。

全国どこからでも人権相談を受けることができます。

<https://www.moj.go.jp/JINKEN/jinken21.html#01>

◇東京イングリッシュライフライン (いのちの電話)

電話: 03-5774-0992

英語での相談＝毎日

午前9:00～午後11:00

◇SHARE外国人医療電話相談

英語: 水・金 午前10:00～午後5:00

電話: 03-6803-0304

◇Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài làm công việc chăm sóc

(Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài làm
công việc chăm sóc tỉnh Chiba)

Điện thoại: 0120-054-762

Địa chỉ: 2-3-1, Fujimi, Chuo-ku, Chiba-shi

Tsukamoto Dai Chiba Building 5F

Tiếng Anh: Thứ Ba, thứ Năm, thứ Bảy từ 10:00 am - 6:00
pm

Tiếng Việt: Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu từ 10:00 am - 6:00
pm

◇Tư vấn nhân quyền cho người nước ngoài (Bộ tư pháp)

・Điện thoại tư vấn nhân quyền bằng tiếng nước ngoài

Điện thoại: 0570-090911

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn,
tiếng Tagalog, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Nepal,
tiếng Tây Ban Nha, tiếng Indonesia, tiếng Thái

Thứ Hai - Thứ Sáu từ 9:00am - 5:00pm

・Cửa sổ tiếp nhận tư vấn nhân quyền qua internet bằng tiếng nước ngoài

Tại quầy tiếp nhận có hỗ trợ tư vấn nhân quyền trực
tuyến bằng nhiều ngôn ngữ. Cửa sổ có thể tiếp nhận tư
vấn nhân quyền từ khắp nơi trên nước Nhật.

<https://www.moj.go.jp/JINKEN/jinken21.html#01>

◇Tokyo English Life Line (Điện thoại tư vấn riêng tư)

Điện thoại: 03-5774-0992

Thời gian làm việc (Tiếng Anh): Mỗi ngày

9:00 am - 11:00 pm

◇SHARE Tư vấn y tế cho người nước ngoài qua điện thoại

Tiếng Anh: Thứ Tư, thứ Sáu từ 10:00 am - 5:00 pm

Điện thoại: 03-6803-0304

◇外国人結核電話相談
(公益財団法人結核予防会)

電話: 03-3292-1218・1219

英語、韓国語(予約制)、中国語、ベトナム語、ミヤンマー語(午前中のみ)、ネパール語(第2、第4火曜日の午前中のみ)

毎週火曜日 午前10:00~午前12:00、
午後 1:00~午後 3:00

◇外国語によるDV相談
(女性サポートセンター)

電話: 043-206-8002

英語、中国語、韓国語、タガログ語、スペイン語、タイ語

*予約制

*女性専用です。

*24時間、365日受け付けていますが、外国語での相談は来所のみです。

◇ファミリーセンター・ヴィオラ
外国語による福祉相談

電話: 0438-53-3453

英語、タガログ語、ベトナム語、タイ語

◇日本語の話せる人は下記に相談してください。(千葉県)

・交通事故相談 電話: 043-223-2264

・法律相談 電話: 043-223-2249, 2250

(予約制)

・医療相談 電話: 043-223-3636

◇ Tư vấn bệnh lao cho người nước ngoài qua điện thoại (Hiệp hội Phòng chống lao Nhật Bản)

Điện thoại: 03-3292-1218/1219

Tiếng Anh, tiếng Hàn (Đặt lịch hẹn trước), tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Myanmar (chỉ buổi sáng), tiếng Nepal (chỉ buổi sáng thứ Ba tuần thứ 2 và tuần thứ 4 trong tháng)

Các thứ Ba 10:00 am - 12:00 am,
1:00 pm - 3:00 pm

◇ Tư vấn DV bằng tiếng nước ngoài
(Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ)

Điện thoại: 043-206-8002

Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tagalog, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái

*Đặt lịch hẹn trước

*Chỉ dành cho phụ nữ

*Tiếp nhận 24 giờ một ngày, 365 ngày một năm. Việc tư vấn bằng tiếng nước ngoài chỉ dành cho những người trực tiếp đến trung tâm.

◇ Family Center Viola

Tư vấn phúc lợi bằng tiếng nước ngoài

Điện thoại: 0438-53-3453

Tiếng Anh, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Thái

◇ Người biết tiếng Nhật vui lòng liên hệ tới các số sau đây để được tư vấn (tỉnh Chiba)

・ Tư vấn tai nạn giao thông Điện thoại: 043-223-2264

・ Tư vấn pháp luật Điện thoại: 043-223-2249, 2250
(cần đặt lịch hẹn)

・ Tư vấn y tế Điện thoại: 043-223-3636